TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2021/QĐST- HNGĐ	*Đoan Hùng, ngày 16 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 50/2021/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu Tr - sinh năm 1990

Nghề nghiệp: Giáo viên mầm non

Trú tại: Khu A, xã X, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Huy H- sinh năm 1988

Nghề nghiệp: Lái xe

Trú tại: Khu A, xã X, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều: 55, 59, 60, 62, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1**.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Thu Tr và anh Nguyễn Huy H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Bùi Thị Thu Tr trực tiếp nuôi dưỡng 02 con: Nguyễn Thùy T- sinh ngày 29/8/2014, Nguyễn Ngọc H1- sinh ngày 28/7/2017. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tr.

2.2. Về tài sản chung: Hai bên đã tự thỏa thuận chia, đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận đó, cụ thể như sau:

- Anh Nguyễn Huy H được sở hữu, sử dụng các tài sản gồm:

+ 01 nhà xây 02 tầng trên diện tích 116m2 đất ở tại thửa số 34, tờ bản đồ số

26 tại thôn 5, xã N (nay là khu A, xã X), huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 0264xx, do UBND huyện Đoan Hùng cấp ngày 05/11/2018, người sử dụng đất là Nguyễn Huy H .

+ 01 xe ô tô con nhãn hiệu HYUDAI, biển số đăng ký: 19A- 301.xx, số khung: S1BLN0495xx, số máy G4LAKM5288xx, tên chủ xe là Bùi Thị Thu Tr;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA MIO, biển số đăng ký: 19E1- 099.xx, số khung: 3C10CY0710xx, số máy 23C10710xx, tên chủ xe là Bùi Thị Thu Tr;

- Chị Bùi Thị Thu Tr được sở hữu: 01 xe mô tô nhãn hiệu SH, biển số đăng ký: 19E1- 304.xx, số khung: 5149GY1433xx, số máy: JF51E07048xx, tên chủ xe là Bùi Thị Thu Tr.

Chị Tr có trách nhiệm phối hợp để anh H làm thủ tục sang tên chủ xe theo quy định của pháp luật.

Anh H có trách nhiệm thanh toán cho chị Tr số tiền là 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày chị Tr có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.3. Về vay nợ chung: Hai bên thỏa thuận: Khoản nợ do ai vay người đó tự trả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thu Tr nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số: AA/2020/0001959, ngày 04/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị Tr được hoàn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đoan Hùng;
- Chi cục Thi hành án dân sự ĐH;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ; VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Thị Minh Hòa